

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *3674* /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày *27* tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2887/SNN&PTNT-TT ngày 21 tháng 9 năm 2017 về việc tham mưu ban hành Kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Thanh Hoá năm 2018.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, đơn vị có liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2018.

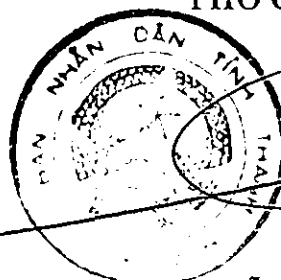
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành có liên quan;
- Lưu: VT, NN. (A353)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

KẾ HOẠCH

Sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Thanh Hoá năm 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~3671~~ /QĐ-UBND ngày ~~27~~ 27/9/2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2017

I. Kết quả về diện tích, năng suất và sản lượng các cây trồng chính

Tổng diện tích gieo trồng cả năm 2017 đạt 429.376 ha, bằng 98% KH và 99,7 % so với CK, giảm 5.652 ha so với CK (năm 2016 đạt 435.028 ha); trong đó: vụ Đông 50.357 ha, vụ Chiêm Xuân 212.204 ha, vụ Thu - Mùa 166.815 ha. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt (giá so sánh năm 2010) cả năm ước đạt 13.720 tỷ đồng, đạt 101,6% so KH và 101,8% so CK. Tổng sản lượng lương thực cả năm ước đạt trên 1,7 triệu tấn; trong đó vụ Đông 93.459,6 tấn, vụ Chiêm Xuân 865.065,4 tấn và vụ Thu Mùa ước đạt 751.352,2 tấn. Kết quả sản xuất một số cây trồng chính, như sau:

1. Cây lúa: Diện tích lúa cả năm đạt 250.483 ha, đạt 104,4% KH và 98,6% CK, giảm 3.509 ha so với CK (năm 2016 đạt 253.992 ha); sản lượng ước đạt 1.480.802,7 tấn, bằng 107,2% KH và 95,8% CK. Trong đó: vụ Xuân 122.224 ha, năng suất bình quân đạt 65 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha so với CK, sản lượng đạt 794.617 tấn; vụ Mùa đạt 128.259 ha, bằng 103,4 % KH, sản lượng ước đạt 686.185,7 tấn.

2. Cây ngô: Diện tích ngô cả năm đạt 50.521 ha, bằng 92,4% KH và 101,8% CK, tăng 2.406 ha so với CK (năm 2016 đạt 52.927 ha), sản lượng ước đạt 229.074,5 tấn, đạt 93,1 % KH và 101,8% CK. Trong đó: vụ Đông 19.813 ha, đạt 98,7% KH và 97,1% CK, sản lượng 93.460 tấn, đạt 101,8% KH và 99,7% CK; vụ Xuân 15.553 ha, đạt 88,9% KH và 91,4% CK; sản lượng 70.448 tấn, đạt 92,6% KH và 94,3% CK; vụ Thu 15.155 ha, đạt 92,4 % KH, sản lượng ước đạt 65.166,5 tấn.

3. Cây lạc: Diện tích cả năm 11.528 ha, đạt 94,5% KH và 96% CK, giảm 446 ha so với CK (năm 2016 đạt 11.974 ha), sản lượng ước đạt 24.250,7 tấn, đạt 107,8% KH và 103,5% CK. Trong đó: vụ Đông diện tích 1.484 ha, sản lượng 2.765 tấn; vụ Xuân diện tích 8.808 ha, sản lượng 19.471 tấn; vụ Thu diện tích đạt 1.236 ha, sản lượng ước đạt 2.014,7 tấn.

4. Cây mía: Diện tích mía nguyên liệu đạt 25.967 ha, bằng 89,5% KH, giảm 1.881 ha so với CK; năng suất dự kiến 70 tấn/ha, đạt 100% KH.

5. Cây sắn: Diện tích sắn nguyên liệu 9.809 ha, đạt 89,2% KH; giảm 2.213 ha so với CK, năng suất 175 tạ/ha.

6. Cây cói: Diện tích cói 3.259 ha, đạt 108,6% KH, giảm 63 ha so với CK, năng suất ước đạt 72 tấn/ha.

II. Đánh giá kết quả sản xuất trồng trọt năm 2017

1. Thuận lợi, khó khăn

- Thuận lợi:

Ngành trồng trọt tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các địa phương và sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, đơn vị có liên quan. Nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất trồng trọt như chính sách phát triển tái cơ cấu, chính sách hỗ trợ phát triển giống cây trồng, vật nuôi ... tiếp tục được triển khai thực hiện.

Kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành sản xuất những năm qua, nhất là kinh nghiệm chỉ đạo chuyển dịch mùa vụ, cơ cấu cây trồng, phòng chống hạn, lũ lụt và phòng trừ sâu bệnh, ... của các địa phương đã góp phần thực hiện thắng lợi sản xuất ngành trồng trọt năm 2017.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhất là các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng tiếp tục được đầu tư xây dựng, cải tạo, phục vụ tốt hơn nhu cầu tưới, tiêu và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng.

- Khó khăn:

Năm 2017, thời tiết cơ bản thuận lợi cho sản xuất trồng trọt. Tuy nhiên, vụ Đông xuân vẫn chịu ảnh hưởng của 29 đợt không khí lạnh; đặc biệt, đông, lốc mạnh kèm theo mưa đá đã xảy ra vào các ngày 17, 18/3/2017 tại một số huyện: Như Thanh, Thạch Thành, Hà Trung, Ngọc Lặc, ... gây thiệt hại gần 450 ha lúa, gần 600 ha ngô và rau màu khác, trên 200 ha mía, ...; vụ Thu Mùa, do ảnh hưởng của bão số 2, làm thiệt hại 3.188 ha lúa (trong đó: 1.413,8 ha thiệt hại trên 70%, 981 ha thiệt hại từ 50-70% và 793 ha thiệt hại từ 30-50%), ngô bị đổ gãy và hư hỏng 1.197 ha, mía bị đổ gãy 1.848 ha và 2.174 ha rau màu khác; Bão số 10 gây mưa lớn trong các ngày 14, 15 và 16/9 trên địa bàn tỉnh, làm ảnh hưởng đến hàng trăm ha lúa và rau màu.

Cùng với khó khăn về thời tiết, sản xuất trồng trọt năm 2017 còn gặp khó khăn về lao động do chuyển đổi ngành nghề; chưa có nhiều diện tích cây trồng được sản xuất thông qua hợp đồng; sản xuất chủ yếu còn nhỏ lẻ, hiệu quả thấp, nông sản hàng hóa chủ yếu bán tự do trên thị trường nên hiệu quả thấp và không bền vững đã ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư vào sản xuất trồng trọt của nông dân.

2. Một số kết quả nổi bật

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng các cấp, các ngành đã quan tâm chỉ đạo, điều hành sản xuất, cùng với nỗ lực của nông dân trong toàn tỉnh nên sản xuất trồng trọt năm 2017 đã đạt được những kết quả quan trọng.

2.1. Năng suất, sản lượng, chất lượng, giá trị và hiệu quả kinh tế nhiều loại cây trồng tăng vượt trội

Diện tích, giá trị và hiệu quả kinh tế sản xuất vụ Đông đều tăng so với cùng kỳ: diện tích gieo trồng vụ Đông đạt 50.357 ha, tăng 1.268 ha so CK và 357 ha so KH. Tổng giá trị sản xuất đạt 2.912 tỷ đồng, tăng 48,6% (952,5 tỷ đồng) so với vụ Đông năm trước, là vụ có diện tích gieo trồng và giá trị sản xuất cao nhất trong 5 năm qua. Sản xuất hàng hóa tập trung phát triển mạnh, nhiều loại cây trồng cho thu nhập cao được sản xuất theo hợp đồng bao tiêu sản phẩm như ớt đạt từ 250-500 triệu đồng/ha, khoai tây 100-120 triệu đồng/ha, ngô ngọt trên 60 triệu đồng/ha; cà chua, dưa chuột trên 100 triệu/ha, ...

Năng suất lúa vụ Chiêm Xuân bình quân đạt 65 tạ/ha (cao nhất từ trước đến nay). Cơ cấu mùa vụ được chuyển đổi theo hướng tích cực: tăng diện tích lúa xuân muộn và mùa sớm, lịch thời vụ được các địa phương chỉ đạo gieo cấy đúng theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT cùng với việc chỉ đạo tốt công tác BVTV nên giảm chi phí (mua thuốc BVTV và công phun), nhờ đó tiết kiệm được khoảng 480 tỷ đồng/năm. Các giống lúa chủ lực giảm còn 28 giống cho cả 3 vùng (đồng bằng, miền núi và vùng ven biển), so với cùng kỳ (năm 2016 toàn tỉnh sử dụng 35 giống). Sản xuất đại trà chỉ sử dụng các giống cây trồng đã được công nhận chính thức, ưu tiên các giống tốt được nông dân chấp nhận của các doanh nghiệp cung ứng có trách nhiệm với nông dân và theo hướng liên kết sản xuất, thu mua sản phẩm nhằm phát triển sản xuất theo hướng bền vững.

Giá trị và hiệu quả sản xuất một số cây trồng đạt cao như giá trị sản xuất lúa thương phẩm đạt 45 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận đạt 36%; giống lúa thuần đạt 60 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận đạt 43%; giống lúa lai F1 đạt 70 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận đạt 50%; giống ngô lai F1 đạt 80 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận đạt 50%; ngô đường đạt 60 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận đạt 63%; ngô dày làm thức ăn chăn nuôi đạt 40 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận đạt 38%; khoai tây đạt 100-120 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận đạt 50%, ... v.v.

2.2. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cơ sở được triển khai kịp thời, hiệu quả

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các địa phương và tham mưu kịp thời cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt năm 2017; chủ động xây dựng, triển khai phương án sản xuất các vụ trong năm làm cơ sở định hướng cho các địa phương trong chỉ đạo, hướng dẫn nông dân về cơ cấu giống, thời vụ gieo trồng, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tổ chức sản xuất có hiệu quả cao.

Trước tình hình thời tiết diễn biến phức tạp và những khó khăn trong sản xuất, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất. Đặc biệt, trong các tình huống bất thuận của thời tiết, sâu bệnh, ... Sở Nông nghiệp và PTNT cùng với

các địa phương đã cử cán bộ về cơ sở, nắm bắt, phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn khôi phục sản xuất kịp thời. Nhờ đó, diện tích gieo trồng được đảm bảo về thời vụ, nhiều diện tích không cần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; nhiều diện tích bị ảnh hưởng của giá rét, ngập úng, nắng hạn, ... được khắc phục kịp thời và giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình sản xuất.

Công tác khuyến nông, thông tin, tuyên truyền tiếp tục được Sở Nông nghiệp và PTNT cùng với các địa phương quan tâm, phối hợp với các cơ quan báo in, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên phổ biến, tuyên truyền kiến thức, kỹ thuật, giúp nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tổ chức sản xuất hiệu quả và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

2.3. Việc thực hiện tái cơ cấu trồng trọt trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện

Năm 2017, toàn tỉnh chuyển đổi 4.912 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, đạt 99,2 % KH; trong đó: chuyển sang trồng 1.725,3 ha ngô, 887,7 ha lúa - cá, 751 ha ớt, 559,3 ha rau màu, 268,1 ha mía, 185,7 ha cây ăn quả, 78 ha cây dược liệu, 43 ha cây thức ăn chăn nuôi; 423,8 ha trang trại tổng hợp và các loại cây trồng khác.

Diện tích lúa chất lượng cao cả năm 2017 đạt 70.113 ha, tăng 5.579 ha so với CK. Các loại cây trồng khác có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất tập trung quy mô lớn và nâng cao giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích; ưu tiên lựa chọn giống có năng suất, chất lượng cao, bố trí chân đất phù hợp, có thị trường tiêu thụ ổn định để nâng cao giá trị và hiệu quả kinh tế.

Các sản phẩm trồng trọt có lợi thế tiếp tục được quan tâm phát triển: diện tích lúa thâm canh đạt trên 132.000 ha, diện tích ngô thâm canh đạt 8.370 ha, mía thâm canh 7.350 ha, rau an toàn 398 ha, hoa cây cảnh 401 ha, cây ăn quả 2.556 ha, cây thức ăn chăn nuôi 3.578 ha.

2.4. Các mô hình sản xuất ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đạt hiệu quả cao được nhân rộng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất trồng trọt

Các tiến bộ kỹ thuật tiếp tục được ứng dụng: cơ giới hóa trong sản xuất được quan tâm khuyến khích ứng dụng rộng rãi. Hầu hết diện tích cây trồng được bón phân cân đối, phân viên nén dúi sâu tiếp tục được sử dụng rộng rãi ở khu vực miền núi. Công tác bảo vệ thực vật đạt hiệu quả cao, lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng ít, vừa giảm chi phí sản xuất vừa hạn chế ô nhiễm môi trường. Nhiều giống cây trồng mới được gieo trồng thử nghiệm làm cơ sở để mở rộng trong sản xuất đại trà như giống lúa Lam Sơn 8, Bắc Thịnh, SV 181, Đông A1, Phúc Thái 168, ... v.v.

Nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản xuất và bao tiêu sản phẩm được tổ chức sản xuất thông qua hợp đồng: ớt xuất khẩu 1.852 ha (Yên Định 918 ha, Hậu Lộc 300 ha, Thọ Xuân 187 ha, Hoàng Hóa 125 ha, Thiệu Hóa 98ha, ...), sản xuất giống lúa thuần 1.630 ha (Yên Định 1.300 ha, Nga Sơn 195 ha, ...), sản xuất

hạt giống lúa lai F₁ 470 ha (Yên Định 365 ha, Thọ Xuân 55 ha, Hoàng Hóa 30 ha, Thiệu Hóa 20 ha), sản xuất ngô đường và ngô bao tử 650 ha (Hậu Lộc 300 ha, Yên Định 184 ha, Thọ Xuân 102, ...), sản xuất khoai tây 596 ha (Hoàng Hóa 220 ha, Hậu Lộc 200 ha, Thiệu Hóa 140 ha, ...), sản xuất ngô trồng dày làm thức ăn chăn nuôi 522 ha (Cẩm Thủy 245 ha, Như Thanh 130 ha, Yên Định 85 ha, ...), sản xuất bí xanh 356 ha (Thiệu Hóa 277 ha, Yên Định 62 ha, ...). Mô hình doanh nghiệp thuê đất sản xuất lúa giống và gạo theo hướng hữu cơ của Công ty CP mía đường lam Sơn tại huyện Thiệu Hóa, với quy mô 165 ha.

2.5. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, các dịch vụ phục vụ sản xuất được đảm bảo cho sản xuất phát triển

Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp ngày càng được các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện. Năm 2017, tổng số huyện tổ chức kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh của các cơ sở dịch vụ vật tư nông nghiệp là 24 huyện, tăng 4 huyện so với CK (năm 2016 có 20 huyện triển khai thực hiện). Trách nhiệm của các cấp, các ngành được phân định rõ ràng và thực hiện theo Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND, ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Kết quả kiểm tra xử lý các vi phạm 6 tháng đầu năm 2017, số vụ, đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm trong lĩnh vực này đều giảm, điển hình là trong kiểm tra kinh doanh giống cây trồng số mẫu vi phạm giảm còn 4 (cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2016 số mẫu vi phạm là 9 mẫu). Chương trình phối hợp giám sát quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm giữa Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Công thương với Hội Nông dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh được triển khai đến cấp huyện. Ngay từ đầu năm 2017, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục ký kết Chương trình phối hợp giám sát quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm với Tỉnh đoàn TNCS HCM, Hội Phụ nữ và Hội Cựu chiến binh.

Các hoạt động dịch vụ, phục vụ sản xuất trồng trọt phát triển, đáp ứng cơ bản các nhu cầu về điện, nước, máy móc, trang thiết bị vật tư phục vụ sản xuất. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các Công ty quản lý và khai thác các công trình thủy lợi với địa phương, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về nước phục vụ sản xuất. Dịch vụ mạ khay, máy cấy được phát triển ở nhiều huyện như Yên Định, Thiệu Hoá, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Hoàng Hoá, Hậu Lộc, Quảng Xương, Triệu Sơn, Đông Sơn, ... giúp nông dân tiết kiệm giống, thời gian lao động, chủ động về thời vụ, giảm giá thành sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất. Trong sản xuất lúa tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đạt 95%, khâu thu hoạch đạt 70%, khâu gieo cấy đạt 13%.

Các HTX dịch vụ nông nghiệp được củng cố và thể hiện rõ vai trò phục vụ sản xuất, góp phần cung ứng đủ giống, phân bón, vật tư khác; đồng thời tích cực phối hợp với các doanh nghiệp đưa tiến bộ thuật vào sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản, liên kết bao tiêu sản phẩm lúa giống, ngô giống, rau hoa quả chế biến, xuất khẩu.

2.6. Các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất được triển khai kịp thời và hiệu quả

Các cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất vụ đông, chính sách hỗ trợ tái cơ cấu, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng được các địa phương, doanh nghiệp và bà con nông dân đồng tình hưởng ứng và triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất trồng trọt phát triển, nâng cao giá trị sản xuất trồng trọt. Cùng với vốn đầu tư hỗ trợ của ngân sách nhà nước, đã huy động được các nguồn vốn khác đầu tư cho phát triển các sản phẩm lợi thế, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt. Tạo điều kiện và khuyến khích nông dân mở rộng sản xuất và các HTX, doanh nghiệp là cầu nối tiêu thụ sản phẩm, hình thành các chuỗi giá trị, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

Triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi và hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp, toàn tỉnh ước giải ngân đạt 122.660 triệu đồng để xây dựng vùng thâm canh lúa, sản xuất rau an toàn tập trung, mua máy thu hoạch lúa và hệ thống tưới lúa, bao tiêu sản phẩm, nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mới; sản xuất hạt giống lúa lai F1, sản xuất giống lúa thuần, ...

3. Những tồn tại, hạn chế trong sản xuất trồng trọt năm 2017

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất ngành trồng trọt năm 2017 vẫn còn những tồn tại, hạn chế, đó là:

Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp của các đơn vị cấp huyện chưa tiến hành lấy mẫu để phân tích chất lượng; việc kiểm tra công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp đối với cấp huyện, cấp xã chưa thường xuyên; xử lý vi phạm trong thanh tra chưa cương quyết, công khai vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa kịp thời dẫn đến hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra còn thấp.

Triển khai thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất ở một số huyện giải ngân chậm, 6 tháng đầu năm chính sách tái cơ cấu chỉ giải ngân được 11%, chính sách hỗ trợ sản xuất giống chỉ đạt 19,5%; một số địa phương lập kế hoạch không sát nên trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh kế hoạch; nguồn kinh phí hỗ trợ chưa đáp ứng nhu cầu: chính sách tái cơ cấu chỉ đáp ứng 37,7% nhu cầu, chính sách hỗ trợ sản xuất giống chỉ đáp ứng 42,68% nhu cầu vốn.

Xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ thực phẩm an toàn còn ít, chưa tạo được nhiều chuỗi giá trị trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho nông dân; số doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp tuy có tăng nhưng vẫn còn ít.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2018

Năm 2018, sản xuất trồng trọt tỉnh Thanh Hóa tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu theo tinh thần Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

I. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; cùng với kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành sản xuất nông nghiệp của các cấp, các ngành và kết quả thắng lợi trong sản xuất trồng trọt năm 2017 là động lực to lớn để ngành nông nghiệp cùng bà con nông dân tin tưởng triển khai kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2018 đạt kết quả và hiệu quả cao.

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp tiếp tục được triển khai thực hiện; đặc biệt là cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi và tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh đã góp phần tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho sản xuất và tạo thêm động lực cho nông dân và doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Các chương trình, dự án đầu tư phục vụ sản xuất, nhất là các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng đã và đang được xây mới, cải tạo, nâng cấp đưa vào sử dụng ngày càng có hiệu quả.

Ngày càng nhiều doanh nghiệp quan tâm đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt, là cơ sở để tổ chức lại sản xuất, hình thành các chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất trồng trọt.

Các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh; cơ giới hoá trong sản xuất tiếp tục được nhân rộng trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu sản xuất trồng trọt năm 2018.

2. Khó khăn

Tình hình biến đổi khí hậu và diễn biến thời tiết bất thường, cực đoan dự báo là sẽ tiếp tục ảnh hưởng lớn cho sản xuất trồng trọt năm 2018.

Giá các loại nông sản như lúa gạo, mía đường, sắn, mủ cao su và một số nông sản khác vẫn ở mức thấp ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư thâm canh của bà con nông dân vào sản xuất trồng trọt.

Diện tích sản xuất các loại cây trồng nói chung hầu hết là nhỏ lẻ, manh mún, lao động trong nông nghiệp thiếu hụt nhất là vào các thời điểm làm đất, gieo trồng và thu hoạch cũng gây nhiều khó khăn cho sản xuất trồng trọt.

Xu hướng hội nhập quốc tế và khu vực là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn cho thị trường nông sản của tỉnh ta, áp lực về chất lượng nông sản và an toàn thực phẩm sẽ ngày càng cao. Đây là khó khăn lớn cho nông dân cũng như các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

II. Mục tiêu

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 434.000 ha, trong đó: vụ Đông 50.000 ha, vụ Chiêm Xuân 213.000 ha, vụ Thu Mùa 171.000 ha; giá trị sản xuất trồng trọt 13.980 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), tăng 260 tỷ đồng so với ước thực hiện năm 2017; sản lượng lương thực có hạt trên 1,6 triệu tấn, trong đó: vụ Đông trên 99.120 tấn, vụ Chiêm Xuân trên 823.545 tấn, vụ Thu Mùa trên 720.872 tấn.

Diện tích, sản lượng các loại cây trồng chính: lúa 240.000 ha, sản lượng 1.400.700 tấn; ngô 54.550 ha, sản lượng trên 242.800 tấn; mía nguyên liệu 27.500 ha, sản lượng 1.870.000 tấn; sắn 13.500 ha, sản lượng 222.750 tấn, (sắn nguyên liệu 11.000 ha, sản lượng 187.000 tấn); lạc 9.700 ha, sản lượng 20.600 tấn; rau màu và các cây trồng khác 88.750 ha.

(Chi tiết tại phụ lục 1 và 2 kèm theo)

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội

Mỗi huyện, xã cần chủ động tổ chức triển khai kế hoạch, phương án sản xuất kịp thời, xây dựng lịch thời vụ, cơ cấu giống hợp lý, các giải pháp cụ thể để chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ nông dân sản xuất đạt hiệu quả cao. Trọng tâm là thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển trồng trọt năm 2018 theo định hướng tái cơ cấu; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi đất trồng lúa; khuyến khích tích tụ ruộng đất để sản xuất tập trung, quy mô lớn; khuyến khích doanh nghiệp vào đầu tư, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm. Tăng cường công tác tham gia chỉ đạo, vận động, hướng dẫn, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của Tỉnh ủy tại Quyết định số 287-QĐ/TU ngày 27/5/2016

Chỉ đạo thực hiện tốt việc chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả thấp sang cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản theo Quyết định 2326/QĐ-UBND, ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh. Theo đó, toàn tỉnh chuyển đổi 5.683 ha đất trồng lúa hiệu quả thấp sang các loại cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản.

Tập trung phát triển các cây trồng có giá trị cao theo hướng tập trung, quy mô lớn gắn với các cơ sở chế biến, tiêu thụ; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, hệ thống canh tác, cơ giới hóa, quản lý dịch bệnh, tạo ra chuỗi sản xuất hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và bảo vệ môi trường.

Quan tâm phát triển các sản phẩm lợi thế của từng địa phương như lúa thơm canh ngô thơm canh, rau an toàn, hoa cây cảnh, mía thơm canh, cây ăn quả, cây thức ăn chăn nuôi, ...

3. Bố trí cơ cấu giống cây trồng, thời vụ hợp lý theo từng vùng nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thị trường

Chỉ đạo, hướng dẫn nông dân lựa chọn các giống cây trồng thích hợp với từng vùng, từng địa phương. Mở rộng diện tích các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận; ưu tiên sử dụng các giống ngắn ngày có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và có thị trường tiêu thụ.

Đối với sản xuất lúa: tiếp tục chỉ đạo tăng tỷ lệ diện tích gieo cấy trà lúa xuân muộn và mùa sớm để hạn chế ảnh hưởng thời tiết và sâu bệnh và tăng quỹ đất để mở rộng sản xuất vụ đông năm sau. Mỗi địa phương chỉ nên cơ cấu từ 4-5 giống lúa chủ lực có năng suất, chất lượng cao, thích hợp với điều kiện thời tiết và kháng các loại sâu bệnh chủ yếu. Tập trung vào 3 nhóm giống chính: nhóm giống lúa thuần năng suất, chất lượng cao; nhóm giống lúa lai năng suất cao, chất lượng khá và nhóm giống lúa thuần, lúa lai có năng suất cao, có thị trường tiêu thụ và phục vụ chế biến.

Đối với rau màu: chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương lựa chọn các giống cây trồng thích hợp với từng vùng, ưu tiên các sản phẩm có thị trường tiêu thụ. Đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc bố trí các cây trồng trên đất trồng lúa được chuyển đổi. Ngoài căn cứ thời vụ gieo trồng cần tranh thủ thời tiết thuận lợi để gieo trồng, chăm sóc và áp dụng linh hoạt các hình thức tưới có hiệu quả cho cây trồng.

4. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa vào sản xuất trồng trọt nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất

Chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản; ứng dụng quy trình tưới nước tiết kiệm, sản xuất

nông nghiệp hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”; “3 giảm, 3 tăng” (ICM) và quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), ...

Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mô hình ứng dụng cơ giới hóa, mô hình ứng dụng các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao. Quản lý chặt chẽ công tác khảo nghiệm, sản xuất thử giống cây trồng mới và đề nghị công nhận giống cây trồng mới theo đúng qui định của pháp luật.

Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, bố trí cơ cấu giống cây trồng, thời vụ hợp lý, quy trình kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh đảm bảo an toàn thực phẩm. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh để tăng thời lượng các chương trình, chuyên mục chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, giới thiệu các mô hình tổ chức sản xuất mới có hiệu quả.

5. Tập trung chỉ đạo, tổ chức sản xuất với quy mô lớn, gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giới thiệu mô hình tích tụ ruộng đất, sản xuất quy mô lớn có hiệu quả; vận động và khuyến khích nông dân tham gia tích tụ ruộng đất theo quy định của pháp luật nhằm nhân rộng mô hình sản xuất quy mô lớn gắn với tiêu thụ sản phẩm, góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất trồng trọt; thực hiện tốt việc khảo sát, dự báo thị trường hình thành các chuỗi liên kết sản xuất bền vững, sản xuất theo hợp đồng, đáp ứng nhu cầu thị trường; quan tâm chế biến, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể bao gồm tổ hợp tác và hợp tác xã. Nhân rộng mô hình liên kết giữa HTX, hộ nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản trên cơ sở cùng có lợi. Phấn đấu mỗi xã xây dựng được ít nhất 01 mô hình liên kết đầu tư sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sản xuất về vật tư nông nghiệp, nước tưới, cơ giới hóa và phòng trừ sâu bệnh

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến các quy định về quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức

chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông sản thực phẩm. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp; nhất là tăng cường kiểm tra đột xuất, sớm phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; đồng thời công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng những cơ sở vi phạm.

Phối hợp chặt chẽ giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với các ngành có liên quan và các địa phương trong việc thực hiện công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

Các đơn vị tham gia cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh cần có kế hoạch cung ứng đủ vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng, đủ số lượng, kịp thời vụ, giá cả hợp lý. Tăng cường các hoạt động dịch cơ giới hoá trong sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất, tập trung vào các khâu: làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch; đối với cây lúa tập trung phát triển mạnh hình thức cơ giới hóa đồng bộ; phát triển các hệ thống sấy, chế biến và bảo quản sau thu hoạch.

Các công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi thường xuyên kiểm tra, phát hiện hư hỏng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi để đáp ứng kịp thời nhu cầu nước cho làm đất, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. Xây dựng và triển khai thực hiện phương án tưới, tiêu hợp lý phục vụ sản xuất. Trước mắt, phối hợp với các cấp thực hiện tốt công tác ra quân làm thủy lợi mùa khô; nạo vét kênh mương, để phát huy tốt năng lực tưới của các công trình.

Hệ thống Bảo vệ thực vật cần thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, sâu bệnh và tình hình sinh trưởng, phát triển của cây trồng; thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo và dịch vụ phòng trừ sâu bệnh, đảm bảo kịp thời, hiệu quả và an toàn; không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, đặc biệt lưu ý các đối tượng sâu bệnh chính như sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá lúa, bệnh đốm sọc vi khuẩn, ...

Các địa phương cần chủ động, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm; xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

7. Triển khai, thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất trồng trọt

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương như Nghị định 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng lúa; Quyết định số 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ việc chuyển từ trồng lúa sang trồng ngô; Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và nông nghiệp, nông thôn; Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính

sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi và chính sách tái cơ cấu nông nghiệp theo các Quyết định số 5637/QĐ-UBND và Quyết định số 5643/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh.

Ngoài các chính sách của Trung ương, của tỉnh, các địa phương cần bố trí ngân sách để xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển trồng trọt và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất trồng trọt trên địa bàn.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương xây dựng triển khai kế hoạch sản xuất năm 2018; theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, sinh trưởng phát triển của cây trồng để kịp thời chỉ đạo sản xuất, có phương án chủ động đối phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh; phối hợp với các ngành, địa phương kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch; thực hiện tốt công quản lý nhà nước đối với các loại vật tư nông nghiệp.

Xây dựng và triển khai phương án sản xuất các vụ trong năm và chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất trồng trọt; tập trung vào công tác thủy lợi đảm bảo tưới tiêu kịp thời, công tác phòng trừ sâu bệnh, thực hiện các phương án giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu trên địa bàn.

Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất trồng trọt năm 2018 trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện và các đơn vị rà soát quy hoạch các loại cây trồng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch; triển khai nhân rộng và tổng kết các mô hình phát triển sản xuất trồng trọt; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2018, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch. Chủ trì xây dựng kế hoạch khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và tạo mọi điều kiện thuận lợi theo quy định của pháp luật để các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và kinh doanh sản phẩm trồng trọt trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt; chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra các địa phương về quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, đạt hiệu quả cao nhất.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất trồng trọt của huyện; chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất ở các xã, thị trấn và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt kết quả cao nhất; có phương án chủ động đối phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh.

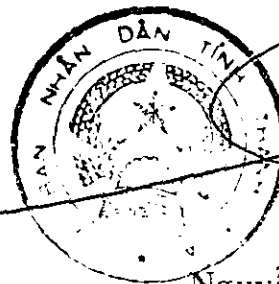
Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư cho phát triển trồng trọt trên địa bàn. Đồng thời, căn cứ vào điều kiện thực tế của từng địa phương, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn.

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, quy hoạch từng loại cây trồng; chịu trách nhiệm theo phân cấp trong công tác quản lý nhà nước đối với các loại vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn; xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với từng địa phương.

5. Các sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan và tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc, các sở, ngành, các cơ quan và tổ chức chính trị - xã hội có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, tham gia tuyên truyền và tạo mọi điều kiện thuận lợi để toàn tỉnh triển khai kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt năm 2018 thắng lợi./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục 1: Kế hoạch diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 27/9/2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Cả năm	Vụ đông	Vụ đông xuân	Vụ thu - mùa
Tổng toàn tỉnh		434.000	50.000	213.000	171.000
1	TP Thanh Hoá	11.850	1.200	5.500	5.150
2	TX Sầm Sơn	3.220	300	1.500	1.420
3	TX Bim Sơn	2.300	100	1.600	600
4	Thọ Xuân	29.800	5.500	13.700	10.600
5	Đông Sơn	10.130	400	4.880	4.850
6	Nông Cống	28.500	2.200	13.800	12.500
7	Triệu Sơn	26.850	3.000	12.750	11.100
8	Quảng Xương	20.150	2.400	8.950	8.800
9	Hà Trung	15.220	800	7.970	6.450
10	Nga Sơn	16.010	1.700	7.210	7.100
11	Yên Định	29.670	5500	12650	11520
12	Thiệu Hoá	21.500	3.000	9.500	9.000
13	Hoằng Hoá	23.650	4.300	9.700	9.650
14	Hậu Lộc	16.130	2.500	6.950	6.680
15	Tĩnh Gia	21.000	3.200	9.650	8.150
16	Vĩnh Lộc	15.550	3.000	6.750	5.800
17	Thạch Thành	21.750	2.000	12.900	6.850
18	Cẩm Thủy	18.540	2.500	9.150	6.890
19	Ngọc Lặc	21.150	1.300	12.450	7.400
20	Lang Chánh	7.420	600	4420	2.400
21	Như Xuân	13.400	1.000	9.050	3.350
22	Như Thanh	12.710	950	7.510	4.250
23	Thường Xuân	11.370	700	6.920	3.750
24	Bá Thước	14.870	1.100	8.420	5.350
25	Quan Hoá	7.430	150	4.850	2.430
26	Quan Sơn	7.100	550	3.450	3.100
27	Mường Lát	6.730	50	820	5.860

**Phụ lục 2: Kế hoạch diện tích gieo trồng các cây trồng chính
và chuyển đổi đất trồng lúa năm 2018**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 27/9/2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Diện tích một số cây trồng chính cả năm 2018 (ha)						Diện tích chuyển đổi đất trồng lúa năm 2018 (ha)
		Lúa	Ngô	Lạc	Sắn	Mía nguyên liệu	Rau màu khác	
Tổng toàn tỉnh		240.000	54.550	9.700	13.500	27.500	88.750	5.683
1	TP Thanh Hoá	8.000	750	50			3.050	450
2	TX Sầm Sơn	2.000	300	100			820	30
3	TX Bìn Sơn	1.000	100			700	500	31
4	Thọ Xuân	15.500	4.100	300	700	2.800	6.400	540
5	Đông Sơn	8.800	100				1.230	295
6	Nông Cống	20.900	1.000	300		750	5.550	255
7	Triệu Sơn	19.500	1.700	300	100	900	4.350	450
8	Quảng Xương	13.500	1.100	350			5.200	250
9	Hà Trung	11.500	1.100	100		600	1.920	252
10	Nga Sơn	9.100	900	1.200			4.810	150
11	Yên Định	17.500	4.000	50		750	7.370	500
12	Thiệu Hoá	16.200	2.500	100		100	2.600	330
13	Hoảng Hoá	13.800	3.300	1.100			5.450	400
14	Hậu Lộc	9.500	1.600	1.000			4.030	288
15	Tĩnh Gia	9.600	1.400	3.440		40	6.520	150
16	Vĩnh Lộc	9.000	3.100	100	50	450	2.850	107
17	Thạch Thành	9.400	3.000	50	500	5.100	3.700	385
18	Cẩm Thủy	7.700	5.100	100	400	2.200	3.040	70
19	Ngọc Lặc	6.800	4.600	350	1.800	3.100	4.500	50
20	Lạng Chánh	2.500	1.400	100	1.400	500	1.520	20
21	Như Xuân	4.600	1.100	80	2.200	3.000	2.420	50
22	Như Thanh	6.300	1.250	150	100	2.760	2.150	150
23	Thường Xuân	5.100	1.300	150	1.100	1.750	1.970	30
24	Bá Thước	4.800	2.300	150	1.000	2.000	4.620	370
25	Quan Hoá	2.200	2.750	30	1.950		500	30
26	Quan Sơn	2.300	2.200	50	1.250		1.300	40
27	Mường Lát	2.900	2.500		950		380	10